ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

Đỗ Thị Thanh Loan[*]

Tóm tắt

Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là vùng đất rộng lớn nằm quanh khu vực hạ lưu sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam, bao gồm 11 tỉnh và thành phố. Với vai trò là: "động lực, đầu tầu" trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; là nơi đi trước dẫn đầu cho phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Vùng sẽ có nhiều cơ hội phát triển toàn diện các ngành kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Sau gần 30 năm đổi mới, vùng ĐBSH đã có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Song đánh giá ở từng góc độ cụ thể sự phát triển của vùng cho đến nay vẫn chưa ổn định, thiếu bền vững, cơ cấu ngành kinh tế chưa hợp lý, đặc biệt là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (CDCCKTNN) còn chậm, tồn tại nhiều bất cập yếu kém. Để thực hiện mục tiêu phát triển tổng quát: "Xây dựng vùng ĐBSH trở thành vùng có vị trí hàng đầu về mọi mặt, xứng đáng là đầu tầu lôi kéo các vùng khác cùng phát triển, về trước cả nước trong việc đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020", các định hướng cụ thể và những giải pháp cơ bản thúc đẩy sự CDCCKTNN của vùng trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế cần đưa ra.

Bài viết này tập trung làm rõ định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực cụ thể trong nông nghiệp và giải pháp chi phối, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong nông nghiệp vùng ĐBSH trong bối cảnh mới.

Từ khóa: *Đồng bằng sông Hồng, cơ cấu kinh tế nông nghiệp*

Mã số: 128.300115. Ngày nhận bài: 30/01/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 05/04/2015. Ngày duyệt đăng:10/4/2015

1. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSH

1.1. Định hướng về chất lượng sản phẩm hàng hóa

Chất lượng sản phẩm, hàng hoá không những là thước đo quan trọng khẳng định sự tồn tại của nhà sản xuất mà còn là chuẩn mực trong các quan hệ kinh tế, thương mại và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, đi đôi với việc tạo điều kiện thuận lợi để lưu thông, trao đổi hàng hóa, chính phủ cần ngăn cản các sản phẩm, hàng hóa kém chất lượng, không bảo đảm an toàn để bảo vệ quyền

[*] ThS, Trường Cao đăng Sư phạm Trung ương; Email: thanhloanllct@gmail.com.

lợi người tiêu dùng, bảo vệ sản xuất trong nước và lợi ích quốc gia.

Sản xuất nông nghiệp cũng không nằm ngoài quy luật trên, không chỉ nhằm nâng cao chất lượng nông sản phẩm mà còn làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tạo uy tín cho các nhà sản xuất để thâm nhập, mở rộng thị trường, khắc phục tình trạng ngừng trệ sản xuất, giải quyết vấn đề dư thừa sản phẩm thiếu việc làm nhằm nâng cao đời sống nông dân. Sản xuất nông sản chất lượng cao đáp ứng thị hiếu khách hàng sẽ kích thích nhu cầu và tiêu thụ với số lượng lớn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; đẩy nhanh quá trình CDCCKTNN theo hướng sản xuất hàng hóa.

1.2. Định hướng cho các vùng nông nghiệp trên địa bàn

Để vùng ĐBSH CDCCKTNN theo hướng tối ưu nhằm khắc phục các bất cập lớn và mang tính phổ biến trong thời gian qua như: tính tự phát, manh mún trong sản xuất; trước hết sản xuất cần dựa trên nhu cầu của thị trường để nghiên cứu xây dựng các quy hoạch tổng thể phát triển các vùng nông nghiệp chủ yếu trên địa bàn. Trong những năm tới, việc định hướng cho các vùng nông nghiệp trên địa bàn cần phải đảm bảo cân bằng quan hệ cung - cầu về nông sản trên thị trường, từ đó hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Việc sản xuất tập trung theo quy hoạch trong nông nghiệp không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho khâu sản xuất và chế biến các mặt hàng có chất lượng cao mà còn cho phép dễ dàng triển khai và ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đẩy nhanh quá trình CDCCKTNN theo hướng sản xuất hàng hóa.

1.3. Định hướng về các ngành hàng mũi nhọn mà ĐBSH có lợi thế

Những vùng khác nhau có những đặc điểm tự nhiên, đất đai, địa hình và khí hậu khác nhau, vì vậy mỗi vùng sẽ có thế mạnh khác nhau trong việc trồng trọt và chăn nuôi một số sản phẩm nhất định. Do đó, trong định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần xác định các ngành hàng mũi nhọn mà vùng ĐBSH có lợi thế để tập trung đầu tư và chú ý đến các tiêu chuẩn như: phải khai thác được lợi thế tự nhiên của từng vùng, phải là ngành có thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, phải là ngành có đóng góp cao trong tổng sản phẩm từng ngành đồng thời thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Rõ ràng, việc xác định đúng các ngành hàng mũi nhọn, ngành có lợi thế trong nông nghiệp ở mỗi vùng là bước đầu tiên quyết định sự thành công của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Từ nay đến năm 2020 cần tập trung đầu tư để phát triển một số ngành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng cấu thành sự CDCCKTNN của vùng ĐBSH như sau:

- *Về cây lương thực:* Tập trung thâm canh cao diện tích các cây lương thực, tăng nhanh năng suất và sản lượng, trong đó ưu tiên phát triển cây lúa và cây ngô trên cơ sở tăng nhanh diện tích gieo trồng cây lúa ngắn ngày và ngô lai (tăng 5 - 6 lần so với hiện nay). Hình thành các vùng lúa xuất khẩu và các vùng sản xuất lúa, ngô, rau thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp chất lượng cao ở các tỉnh Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Hà Nội, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc. Mục tiêu đến năm 2020 giá trị sản xuất cao với thu nhập khoảng 65,7 triệu đồng/ha so với hiện nay là 62,5 triệu đồng/ha (năm 2013).

- *Về cây lạc:* Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển dần diện tích gieo trồng các cây lương thực năng suất và hiệu quả thấp ở một số địa phương có điều kiện để phát triển lạc để mở rộng hơn diện tích trồng lạc. Phấn

đấu mục tiêu sản lượng lạc tăng 1,5 lần so với năm 2010 trong toàn vùng.

- *Về cây ăn quả:* Tập trung phát triển cây ăn quả trở thành ngành sản xuất quan trọng trong nền nông nghiệp của vùng. Coi đây là hướng cơ bản chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp hiện nay, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt tăng khối lượng xuất khẩu, tăng việc làm và thu nhập đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái.

- *Về chăn nuôi lợn:* Đối với vùng ĐBSH hiện nay, chăn nuôi lợn vẫn được đánh giá là ngành quan trọng nhất tạo ra sản lượng thịt cho vùng nói riêng và cả nước nói chung. Mục tiêu phấn đấu tăng nhanh về sản lượng 1,5 lần so với hiện nay (7092,2 nghìn con năm 2011) và tỷ trọng thịt có chất lượng tốt (tỷ lệ nạc cao >50%) nhằm tăng giá trị sử dụng và giá trị sản phẩm. Hướng gia tăng sản phẩm chủ yếu là tăng năng suất và chú trọng tăng hiệu quả trong chăn nuôi lợn.

- *Về chăn nuôi bò:* Chăn nuôi bò cũng là thế mạnh của vùng, do đó cần tăng nhanh đàn bò với giống tốt, sinh sản nhanh, cung cấp lượng thịt và sữa cao cho thị trường. Cần chú trọng lai tạo chọn lọc mở rộng diện khai thác bò lai Sind lấy sữa nhằm tăng khả năng cung cấp sữa trên các địa bàn tiếp tục thực hiện chương trình Sind hóa đàn bò. Mục tiêu tăng số lượng đàn bò lên 1,5 lần (603,4 nghìn con năm 2011) và sản lượng thịt bò tăng 3 lần so với hiện nay.

- *Về nuôi chăn nuôi gia cầm*: Vùng ĐBSH cần tập trung phát triển mạnh chăn nuôi gà công nghiệp với phương thức chăn nuôi quy mô vừa và lớn. Bên cạnh việc chăn nuôi vịt theo mùa vụ ở các vùng lúa cần tăng nhanh đàn vịt nhập ngoại siêu thịt và trứng để những năm tiếp sau chăn nuôi vịt của vùng trở thành vùng sản xuất hàng hóa.

- *Về dịch vụ nông nghiệp:* Trong thời gian tới, vùng ĐBSH cần quy hoạch phát triển mạng lưới dịch vụ và đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại ở từng địa phương, đặc biệt là tại thị trấn và thị tứ. Cụ thể: đối với dịch vụ thương mại, cần thực hiện tốt dịch vụ đầu vào, dịch vụ đầu ra; đối với dịch vụ kỹ thuật, cần tổ chức tốt hệ thống sản xuất, cung ứng cho nông dân các loại giống cây trồng vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, dịch vụ cung ứng điện nước, các loại vật tư thiết yếu cho phát triển nông nghiệp, ngành nghề. Khuyến khích các thành phần kinh tế có điều kiện tham gia các hoạt động dịch vụ kỹ thuật. Nhà nước tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng các loại vật tư cung ứng cho nông dân, nhằm tạo môi trường pháp lý cho các thành phần kinh tế dịch vụ phát triển đúng hướng, cạnh tranh lành mạnh, chống trốn lậu thuế, lưu thông hàng giả, kém chất lượng**.** Phấn đấu đến năm 2020 ngành dịch vụ đứng ngang bằng với ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế.

2. Các giải pháp thúc đẩy CDCCKTNN vùng đồng bằng sông Hồng

2.1. Nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể cho các ngành nông nghiệp

Nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể cho các ngành nông nghiệp nói chung và vùng ĐBSH nói riêng là giải pháp hết sức quan trọng trong CDCCKTNN. Đối với việc thực hiện quy hoạch tổng thể cho ngành nông nghiệp cần phải dựa trên quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng ĐBSH đã được Chính phủ phê duyệt. Do đó, cần có quy hoạch cụ thể phù hợp với các tiểu vùng, các ngành một cách thống nhất, có như vậy mới đảm bảo CDCCKTNN của vùng nhanh, bền vững, có hiệu quả và hỗ trợ nhau giữa các ngành kinh tế, các tiểu vùng sản xuất ở nông thôn ĐBSH.

Nhằm đảm bảo tính khả thi trong nâng cao chất lượng quy hoạch tổng thể cho các ngành nông nghiệp vùng ĐBSH cần phải dựa trên những cơ sở khoa học cụ thể, đầy đủ, chính xác: quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội của vùng, các điều kiện cụ thể của khu vực nông nghiệp - nông thôn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, nhu cầu thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu và các diễn biến của nó, sự tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, có tính đến yếu tố môi trường văn hóa:

- Thứ nhất, quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của vùng đồng bộ, hệ thống, bao gồm: hệ thống thủy lợi, hệ thống điện, hệ thống đường giao thông, bến bãi. Yêu cầu của việc quy hoạch này không chỉ là đồng bộ, hệ thống mà còn phải đảm bảo tiện ích cho khai thác, sử dụng và mang tầm chiến lược.

- Thứ hai, quy hoạch các vùng chuyên môn hóa nhằm lựa chọn và phát triển các ngành, các sản phẩm mũi nhọn trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy hải sản có lợi thế. Đây là sự lựa chọn nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nông nghiệp - nông thôn của vùng.

- Thứ ba, quy hoạch các tiểu đô thị để tạo ra các địa bàn động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Cần tập trung quy hoạch các cụm công nghiệp và cụm ngành ngành nghề nông nghiệp - nông thôn phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng nhằm tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa công nghiệp - nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp để tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề, hạn chế được việc xáo trộn về chuyển dịch dân cư theo chiều rộng.

2.2. Đầu tư cho khoa học - công nghệ cao

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay thì đầu tư cho khoa học - công nghệ, chủ động hình thành các giống vật nuôi, cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và CDCCKTNN vùng ĐBSH là tất yếu.

Trước mắt, chúng ta cần đưa các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, áp dụng các quy trình công nghệ hiện đại và những thành tựu khoa học - kỹ thuật của cuộc cách mạng sinh học vào sản xuất; đòi hỏi khoa học công nghệ phải đi trước một bước, theo tinh thần "đi tắt, đón đầu" những thành tựu tiên tiến về công nghệ sinh học, chương trình giống cây con nhằm tăng năng suất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh của hàng nông sản, thúc đẩy CDCCKTNN của vùng một cách tối ưu.

Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện có và cho những năm tiếp sau. Quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức sản xuất hàng hóa cho các chủ doanh nghiệp, chủ hợp tác xã, chủ trang trại, công nhân kỹ thuật và đào tạo nghề cho nông dân.

Thực hiện chính sách thu hút cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, công nhân lành có trình độ về làm việc lâu dài ở nông thôn với chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp thỏa đáng. Đây là những cách thức để tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn vùng ĐBSH.

Tăng kinh phí đầu tư cho khoa học - công nghệ tương xứng với vai trò, vị trí của nó trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn của vùng. Tập trung đổi mới về tư duy và phương pháp đầu tư khoa học - công nghệ nông nghiệp, nông thôn theo hướng: ưu tiên kinh phí để nhập khẩu công nghệ cao, thiết bị hiện đại và các loại giống cây trồng vật nuôi tốt của các vùng và thế giới phù hợp với điều kiện của vùng.

Phổ cập thông tin khoa học kỹ thuật và thông tin thị trường đến các huyện, xã, thôn thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua hệ thống loa truyền thanh của các xã, thôn và qua các buổi gặp mặt nói chuyện ở trung tâm văn hóa xã, phường... Các tỉnh cần cấp kinh phí thỏa đáng để biên soạn, cung cấp các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, có như vậy mới khắc phục được sự bất cập về khan hiếm, và đói thông tin khoa học - công nghệ và thị trường ở nông thôn như hiện nay.

Xây dựng thị trường khoa học công nghệ hướng về nông dân như khách hàng chính, để khoa học công nghệ thực sự là động lực để phát triển nông nghiệp công nghệ cao (13). Gắn chặt nghiên cứu với đào tạo và khuyến nông, hỗ trợ cho nông dân, doanh nghiệp (giảm thuế, cho vay vốn ưu đãi, hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, hỗ trợ đào tạo cho những đơn vị áp dụng khoa học công nghệ mới) để khuyến khích tiếp thu ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.

2.3. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến giải quyết đầu ra cho hàng nông sản

Trong những năm gần đây, nông nghiệp vùng ĐBSH liên tiếp được mùa, sản lượng lương thực, thực phẩm tăng người nông dân vẫn nghèo. Số lượng sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu lớn nhưng giá trị kim ngạch xuất khẩu không cao do mâu thuẫn giữa việc nhập tinh, xuất thô. Khắc phục tình trạng này của vùng nói riêng và cả nước nói chung cần tập trung phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản. Đây là biện pháp hữu hiệu nhằm tạo thị trường đầu ra cho hàng nông sản, đồng thời tác động đến biến đổi cơ cấu vật nuôi và cây trồng thúc đẩy CDCCKTNN của vùng.

Trước mắt vùng ĐBSH cần tập trung vào những mặt hàng chủ yếu trong quy hoạch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu cây trồng - vật nuôi trong mối quan hệ với các vùng sản xuất tập trung. Chính các vùng sản xuất tập trung này là thị trường cung cấp các yếu tố đầu vào cho các nhà máy chế biến. Để xây dựng và phát triển các thị trường nông sản lớn trong tương lai, đồng thời nâng cao chất lượng cho sản phẩm chế biến và đủ sức cạnh tranh thì vùng ĐBSH cần đầu tư lớn cho các nhà máy dây chuyền công nghệ và thiết bị hiện đại. Đầu tư có trọng điểm công nghệ chế biến một số mặt hàng chủ lực như: gạo, thịt, thủy hải sản... ưu tiên đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chế biến ngô, rau quả, nước giải khát, chăn nuôi, bởi vì đây là những ngành hàng tiềm năng và có thị trường lớn trong thời gian tới. Việc đầu tư công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch cũng là hướng phát triển trong nông nghiệp vùng này.

2.4. Mở rộng thị trường cho sản xuất nông nghiệp

Trong thời gian qua, sự CDCCKTNN vùng ĐBSH chậm và không đều dẫn tới tình trạng đầu ra không ổn định và kéo theo những bất cập giữa sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

Đối với thị trường nước ngoài, sức cạnh tranh rất lớn, hàng hóa nông sản của chúng ta lại có sức cạnh tranh thấp. Sự yếu kém trong năng lực cạnh tranh này do hạn chế của việc nghiên cứu ứng dụng, chất lượng sản phẩm chưa cao không đồng đều hoặc không đáp ứng được yêu cầu của nước nhập khẩu do dư lượng kháng sinh quá lớn hoặc đã qua sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản độc hại... Đây là những thách thức lớn đối với vùng ĐBSH nói riêng và Việt Nam nói chung trên lộ trình hội nhập và cạnh tranh. Do đó, muốn xây dựng được thị trường tiêu thụ cho nông sản hàng hóa trong khu vực và trên thế giới cần tập trung:

- Khắc phục ngay những bất cập, hạn chế nêu trên để tăng chất lượng sản phẩm, đảm bảo các thông số về tiêu chuẩn kỹ thuật nuôi trồng, chế biến, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nâng cao sức cạnh tranh cho hàng hóa nông sản của vùng và cả nước.

- Tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng giống mới, công nghệ mới vào sản xuất, tập trung chủ yếu vào giống có năng suất, chất lượng cao.

- Quy hoạch và xây dựng vùng nông nghiệp xuất khẩu tập trung, quy mô lớn gắn với phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản và hoàn thiện chiến lược xuất khẩu hàng nông sản phù hợp với yêu cầu của thị trường khu vực và thế giới.

- Tổ chức lại hệ thống thu gom, xuất khẩu hàng nông sản theo hướng giảm khâu trung gian, hình thành các tập đoàn xuất khẩu lớn, chống các xu hướng tranh mua, tranh bán, chụp giật và cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến thiệt hại và giảm uy tín của hàng hóa nông sản trên thị trường quốc tế.

- Xây dựng chiến lược tiếp thị, quảng cáo cho hàng hóa nông sản bằng nhiều kênh khác nhau. Thay đổi tư duy sản xuất tiểu nông bằng tư duy mới về chất lượng, độ sạch, độ an toàn, khẳng định được thương hiệu đi đôi với giữ vững được thương hiệu cho hàng hóa nông sản.

- Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các hoạt động đối ngoại và việc tham gia vào các tổ chức thương mại khu vực và quốc tế... Nhà nước cần có các cơ quan chuyên môn hóa chức năng nghiên cứu thị trường, thông tin về môi giới tiêu thụ sản phẩm để dự báo về khối lượng từng loại sản phẩm để sản xuất phù hợp cho mỗi loại thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, Nhà nước cần hạn chế các rào cản của các nước để hàng hóa nông sản của vùng ĐBSH nói riêng và Việt Nam nói chung có chỗ đứng vững chắc.

2.5. Tập trung các điều kiện cần thiết, tạo đột phá cho phát triển nguồn nhân lực trong nông nghiệp

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nông nghiệp cần tập trung vào các biện pháp cơ bản sau:

- Nâng cao chất lượng dân số, nâng nguồn nhân lực cả về thể lực và trí lực: Đảm bảo 100% dân số của vùng được tiếp cận với các dịch vụ khám chữa bệnh; Phổ cập giáo dục, đảm bảo 100% người trong độ tuổi được học tiểu học; Nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo trong tổng số lao động của vùng, thay đổi cơ cấu đội ngũ lao động được đào tạo.

- Xây dựng hệ thống chính sách, cơ chế sử dụng nhân tài và phân định trách nhiệm các cấp quản lý đối với giáo dục đào tạo. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã qua đào tạo để tránh chảy máu chất xám đồng thời kích thích sự phát triển ngành giáo dục, điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực, cho phép hình thành sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường lao động. Muốn thực hiện có hiệu quả chính sách này trên thực tế cần: xây dựng quy chế sử dụng nguồn nhân lực đã qua đào tạo đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn và đảm bảo lợi ích cho họ, trả thù lao xứng đáng cho những phát minh, sáng kiến có giá trị kinh tế - xã hội; Trả lương theo kết quả lao động, sự tinh thông nghề nghiệp và khả năng sáng tạo trong lao động; Phân định trách nhiệm đối với các cấp quản lý ở các địa phương nhằm định hướng phát triển nguồn nhân lực, quản lý, điều tiết vĩ mô; Xác lập trách nhiệm của các tổ chức sản xuất kinh doanh, các chủ doanh nghiệp và cùng với Nhà nước đầu tư cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cho chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo.

- Nâng cao trình độ học vấn gắn với đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động là

biện pháp thật sự hiệu quả và bền vững đối với phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn vùng ĐBSH. Trong những năm tới cần thực hiện:

+ Tiếp tục kiện toàn "70 trường dạy nghề ở vùng ĐBSH của Nhà nước do nhiều ngành quản lý" (2), (chuyển các trường trung cấp chuyên nghiệp thành các trung tâm dạy nghề tổng hợp chất lượng cao. Để khắc phục tình trạng "thắt cổ chầy" trong đào tạo do sự phình ra ở hai đầu "đào tạo phổ thông trung học và đào tạo Cao đẳng, Đại học") (2). Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, sinh viên ra trường không có việc làm thì việc đào tạo nghề cần phải chú ý đến quy mô, hình thức, loại ngành nghề và thành phần đáp ứng nhu cầu CDCCKTNN của vùng.

+ Đổi mới nội dung chương trình đào tạo cho phù hợp với điều kiện của nông nghiệp nông thôn, phù hợp với quá trình sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: đào tạo nghề cho bộ phận con em nông dân và những nông dân cần chuyển nghề, theo từng nhóm đối tượng như lao động làm thuê nông nghiệp, lao động công nghiệp, lao động dịch vụ, lao động xuất khẩu; các đối tượng này được tổ chức thành nghiệp đoàn (có đăng ký lao động, có bảo hiểm, được bảo vệ quyền lợi). Sử dụng nguồn kinh phí chương trình tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo để hỗ trợ các nghiệp đoàn này tổ chức dạy nghề có cấp chứng chỉ cho hội viên. Hội viên được cấp chứng chỉ sẽ được hỗ trợ về thông tin, cho vay vốn, hỗ trợ khi thất nghiệp và tiếp tục bổ túc tay nghề để tham gia thị trường lao động. Hình thành chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo hàng năm đào tạo khoảng 1 triệu lao động nông thôn. Thực hiện tốt việc xã hội hoá công tác đào tạo nghề.

+ Xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ nông nghiệp nông thôn. Mở rộng quỹ cho sinh viên vay để học tập (mở rộng diện sang toàn bộ sinh viên nông thôn, tăng lượng vay, thời gian vay); xây dựng quỹ cho trí thức trẻ vay lập nghiệp ở nông thôn (xây dựng doanh nghiệp, xây dựng trang trại, mở dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ phục vụ đời sống,…); trợ cấp cho trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, hiệp hội, cộng đồng, thu hút trí thức trẻ về nông thôn làm việc, hình thành đội ngũ dịch vụ kỹ thuật cho mình (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y,…).

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, đổi mới nhận thức nhân dân. Hình thành một kênh truyền hình và một số kênh truyền thanh chuyên trách phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. Có chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp nội dung thông tin phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn cho các phương tiện truyền thông đại chúng.

2.6. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở vùng ĐBSH

Vùng ĐBSH được đánh giá là địa bàn có nhiều lợi thế trong việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nhưng các khu nông nghiệp công nghệ cao ở các tỉnh thuộc vùng hiện còn rất hạn chế. Tập trung khai thác tốt tiềm năng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn khu vực ĐBSH, đặc biệt là phát triển lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao chính là ưu tiên hiện nay của khu vực kinh tế trọng điểm này.

Để phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở khu vực ĐBSH, cần tập trung làm tốt các vấn đề sau:

- Thứ nhất là, đổi mới phương thức sản xuất manh mún, tự cung tự cấp, quy trình kỹ thuật tùy tiện, chất lượng sản phẩm thường khó kiểm soát, giá trị thương mại kém sang phương thức sản xuất lớn, tập trung với định

hướng nông nghiệp công nghiệp hóa và kinh tế thị trường.

- Thứ hai là, đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng đề cao vai trò của doanh nghiệp - người đứng mũi chịu sào theo mô hình sản xuất "con thuyền lớn". Trong đó Đảng và chính quyền đứng ở "bánh lái" để đưa "con thuyền" đó đi đúng hướng (8). Mặt khác, cần đổi mới quan điểm đối với khoa học công nghệ và tư duy thị trường, bởi chiến lược thị trường sẽ quyết định sự thành bại của việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Thứ ba là, thực hiện sách lược "đứng trên vai người không lồ", tận dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước đã thành công trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (8). Phát triển nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, ẩm thực và công nghệ chế biến để tạo ra hiệu quả cao trên một đơn vị diện tích nhỏ.

- Thứ tư là, Nhà nước phải khẳng định vai trò quan trọng từ những quyết sách đầu tư dựa trên sự phân tích thị trường và đầu tư cho sản xuất các sản phẩm tinh hoa:

+ Tập trung nghiên cứu cặn kẽ và sâu sắc thị trường trước khi triển khai sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Xây dựng chuỗi sản phẩm khép kín từ đồng ruộng đến thị trường dựa trên công nghệ tiếp thị và công nghệ sản xuất cao, có sức cạnh tranh mạnh mẽ. "Đối với khu vực đồng bằng sông Hồng, nếu có quyết sách đầu tư mang tầm quốc gia hoàn toàn có thể trở thành "Hà Lan của châu Á"" (9).

+ Đầu tư nông nghiệp vùng theo hướng áp dụng các quy trình thực hành tốt, công nghệ cao, sản xuất nguyên liệu kết hợp với công nghệ chế biến bảo quản sau thu hoạch để nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng.

+ Tiếp tục đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo nhiều hình thức, kể cả hợp tác công tư.

+ Đầu tư đào tạo nhân lực chất lượng cao làm việc trong các lĩnh vực công nghệ cao, kiến thức quản lý và đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đầu tư bảo tồn làng nghề truyền thống gắn với du lịch.

- Thứ năm là, xác định mũi nhọn trong sản xuất nông nghiệp của vùng này thời gian tới là phát triển sản xuất nông nghiệp thâm canh cao, công nghệ cao, nâng cao giá trị thu nhập trên diện tích canh tác và cung cấp sản phẩm có chất lượng tốt.

- Thứ sáu là, phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở ĐBSH cần bắt đầu trước tiên trên những cánh đồng lúa quy mô tập trung. Với các công cụ cơ giới hóa, quá trình sản xuất trên hàng trăm nghìn hécta đất sẽ rút ngắn, giải phóng đất nhanh nhất, tiết kiệm thời gian cho tăng vụ.

- Thứ bảy là, vùng ĐBSH tập trung phát triển lúa hàng hóa chất lượng cao, vùng rau, hoa công nghệ cao, xây dựng thương hiệu cho vùng cây ăn quả đặc sản (vải, nhãn, chuối...). Mô hình cánh đồng mẫu lớn để sản xuất hai vụ lúa và vụ đông rau, màu... sẽ được phát triển. Bên cạnh lúa, rau, hoa thì chăn nuôi và thủy sản cũng là những lĩnh vực được ưu tiên ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến trong thời gian tới.

2.7. Nhóm giải pháp nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của nông sản góp phần đưa nông nghiệp hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới

Trong những năm tới muốn đẩy nhanh tốc độ CDCCKTNN vùng ĐBSH cần thực hiện một số giải pháp **nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của nông sản** như:

- Về thị trường: để nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của nông sản cần thay đổi tư duy từ sản xuất cái mà mình có sang sản xuất theo nhu cầu thị trường. Nhà nước cần xây dựng hệ thống thông tin và dự báo, phân tích thị trường, cập nhật tiêu chuẩn chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu cho từng chủng loại sản phẩm và từng thị trường cụ thể, tổ chức thu gom nông sản và khi giá lên đến mức có lợi cho người dân thì tổ chức đấu giá, thậm chí cả đấu giá xuất khẩu nhằm tránh rủi ro do giá xuống thấp khi vào vụ thu hoạch. Kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy, hiện nay họ đang thực hiện thu mua lúa cho nông dân và tổ chức đấu thầu bán lại cho Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu.

- Về xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm: khi tham gia thị trường (thị trường trong nước và ngoài nước) đều phải xây dựng được thương hiệu của từng sản phẩm để bảo hộ và nâng cao giá trị gia tăng. Muốn vậy, cần: xây dựng Chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm đặc sản, bản địa; thông qua chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp; Hiệp hội xây dựng thương hiệu: Qui hoạch và xây dựng vùng sản xuất; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm hoặc hài hòa tiêu chuẩn quốc tế; Quảng bá thương hiệu trên các phương tiện truyền thông; Huy động tối đa sự tham gia của các hãng vận tài để sử dụng và giới thiệu sản phẩm và hỗ trợ tham gia xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài.

- Về hỗ trợ doanh nghiệp và đầu tư công nghệ: doanh nghiệp hiện nay rất đắn đo khi tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nhất là công đoạn sản xuất mà họ chủ yếu tham gia vào khâu thu gom, sơ chế,tiêu thụ và cung ứng đầu vào. Do vậy, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi hơn về hạn điền và thời gian thuê đất, hỗ trợ tích tụ đất đai, thuế, vốn vay, bảo hiểm rủi ro, đào tạo nguồn lực... để họ quan tâm hơn đến đầu tư vào nông nghiệp. Cần tạo điều kiện để nông dân góp quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp như mua cổ phiếu để họ yên tâm giao đất. Khi Doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, họ sẽ là pháp nhân quan trọng trong việc định hướng thị trường, lựa chọn công nghệ và tìm nguồn vốn đầu tư. Với đầu tư thiết bị, máy móc cần có chính sách ưu đãi về lãi suất, không tính theo năm mà chỉ tính theo mùa vụ sản xuất.

Trong chuỗi giá trị, doanh nghiệp không hoạt động độc lập mà phải hợp tác với các tác nhân khác, vì vậy đầu tư công nghệ cần tổng thể theo chuỗi để chuỗi giá trị có thể vận hành đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, đóng gói, thương mại. Hợp tác giữa doanh nghiệp với nghiên cứu tư vấn là hết sức cần thiết để thúc đẩy lĩnh vực này...

- Về hỗ trợ xây dựng Tổ chức nông dân và Hiệp hội ngành hàng: Nông dân, thậm chí doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đều có qui mô nhỏ, vốn ít, do vậy khả năng vươn ra thị trường trực tiếp là khó khăn. Hơn nữa chính chúng ta đang tự cạnh tranh nhau nên đã làm tổn hại uy tín quốc gia và gây tổn thất cho người sản xuất. Do vậy, Nhà nước cần hỗ trợ để hình thành các hình thức hợp tác của nông dân như nhóm sở thích, Hiệp hội, Hợp tác xã theo từng ngành hàng cụ thể. Như vậy, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhất là hoạt động trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu phải là các hoạt động có điều kiện và cần có chế tài để giám sát Doanh nghiệp. Các tổ chức nông dân và hiệp hội sẽ cùng với doanh nghiệp đưa ra giải pháp về tổ chức chuỗi giá trị, giải pháp về quản lí chất lượng theo chuỗi, giải pháp quản trị thương hiệu theo chuỗi, xây dựng kênh phân phối và marketing sản phẩm; quản lí và chia sẻ rủi ro theo chuỗi. Tóm lại nhóm giải pháp này bao gồm các giải pháp về

thể chế tổ chức chuỗi, là nền tảng cho việc áp dụng có hiệu quả công nghệ mới và hiện đại trong chuỗi giá trị nông sản.

2.8. Các giải pháp về hỗ trợ các nhà sản xuất nông nghiệp trong việc phòng tránh và khắc phục rủi ro, những tác động của thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu

Nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù, phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, khí hậu, dịch bệnh và chu kỳ sinh trưởng của vật nuôi - cây trồng. Tất cả không cho phép ngành nông nghiệp thực hiện sản xuất nhanh, nhiều và đồng đều như trong sản xuất công nghiệp. Chính vì nông nghiệp là ngành sản xuất có tính chất đặc thù như vậy nên cần có các giải pháp về hỗ trợ các nhà sản xuất nông nghiệp trong việc phòng tránh rủi ro và khắc phục rủi ro, về tác động thiên tai, dịch bệnh, tác động của điều kiện bất thường của thị trường và biến đổi khí hậu hiện nay. Để phát triển nông nghiệp thì việc thực hiện giải pháp này như là tính quy luật của bản thân ngành nông nghiệp vậy. Trong thời gian tiếp sau vùng ĐBSH cần tập trung:

- Ban hành kịp thời các văn bản nhằm cụ thể hoá các chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời tuyên truyền sâu, rộng đến các cấp, các ngành và nhân dân về tầm quan trọng của công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai bảo vệ mùa màng, vật nuôi và cây trồng.

- Chú trọng đào tạo cán bộ về lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh...

- Quan tâm và bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách và huy động đa dạng các nguồn lực cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, và khắc phục rủi ro, dịch bệnh.

- Khuyến khích toàn dân tham gia vào công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, phòng tránh dịch bệnh, bảo vệ mùa màng, bảo vệ vật nuôi - cây trồng.

- Theo dõi diễn biến của thị trường để nắm bắt nhu cầu thị trường và bảo vệ những mặt hàng truyền thống có giá trị.

- Nâng cao mức bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai, chủ động phòng chống hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất, chống xói mòn, suy thoái đất đai, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định, an toàn cho nhân dân. Hạn chế đến mức tối thiểu tình trạng bị động xử lý tình huống và giải quyết hậu quả hiện nay, giảm thiểu thiệt hại về người và của và ổn định tổ chức sản xuất đối với các vùng chịu thiên tai có quy luật tương đối rõ ràng về không gian và thời gian như bão, lũ, triều cường, sạt lở đất, cháy rừng,... Triển khai thực hiện các biện pháp đồng bộ phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Củng cố hệ thống đê điều, xây dựng các hồ chứa khai thác tổng hợp có nhiệm vụ cắt lũ hạ du ở các vùng miền núi và thượng lưu, nâng cao năng lực ngăn lũ, tiêu thoát lũ, hình thành các vùng an toàn lũ. Xoá bỏ các khu chậm lũ của vùng. Giảm nhẹ tác hại do lũ và lũ quét ở miền núi phía Bắc. Hoàn chỉnh, nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông đảm bảo chống được mức nước triều tần suất 5% ứng với gió bão cấp 9, cấp 10 ở ngay chính vùng đồng bằng sông Hồng.

- Giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp, cụ thể:

+ Điều chỉnh cơ cấu cây trồng và thời vụ phù hợp với hoàn cảnh biến đổi khí hậu như: đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên thiên nhiên; dự kiến tác động tổn thương đối với cơ cấu cây trồng - trong từng thời vụ; dự kiến các cây trồng có khả năng

chống chịu với hoàn - cảnh mới (chống hạn, chống nắng, chống nóng) và các cây trồng có hiệu quả cao; lập kế hoạch điều chỉnh cơ cấu cây trồng, thời vụ...

+ Đa dạng hóa hoạt động xen canh, luân canh: đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên thiên - nhiên; dự kiến các công thức luân canh, xen canh trong hoàn - cảnh biến đổi khí hậu; thử nghiệm các công thức luân canh, xen canh mới.

+ Cải thiện hiệu quả tưới tiêu nông nghiệp: dự kiến tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất lúa và các loại - cây trồng, nhu cầu tưới tiêu theo cơ cấu mùa vụ mới; đánh giá khả năng đáp ứng của hệ thống các phương - tiện tưới tiêu; điều chỉnh hệ thống tưới tiêu và thay thế mới một số - phương tiện tưới tiêu hiệu suất cao hơn.

+ Tổ chức cảnh báo lũ lụt, hạn hán*:* dự kiến tác động của biến đổi khí hậu đến điều kiện thời tiết và - nguồn nước; lập bản đồ hạn hán và bản đồ ngập lụt trong từng khu - vực tương đối chi tiết; xây dựng chỉ tiêu cảnh báo lũ lụt, hạn hán.

Kết luận

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là vấn đề rộng lớn và cần có thời gian đủ dài để dịch chuyển. Không chỉ thúc đẩy nông nghiệp vùng ĐBSH phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế mà còn khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình CDCCKTNN của vùng thời gian qua. Tất nhiên, sẽ hiệu quả hơn khi có sự kết hợp các chính sách và sự phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương và từng hộ sản xuất, đồng thời xem đây là khâu đột phá nhằm xây dựng, phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và bền vững, theo hướng CNH, HĐH.❑

Abstract

Red River Delta, which is the large land area located in the downstream of Red River in the Northern of Vietnam, includes 11 cities and provinces. The main role of this region is the “incentive, driver” of the socio-economic development, and the pioneer of the market economy and international economic integration. This advantage will facilitate the overall development of the economy in general and agricultural economic structure in particular following the direction of industrialization and modernization.

After nearly 30 - year innovation, a vast array of positive changes and essential achievements in terms of socio-economic development in Red River Delta region has been witnessed. However, estimating by each aspect has showed that the development is unstable, unsustainable, and the economic structure is inappropriate, especially in the agricultural economic structure slow growth and weaknesses still remain. The solution to achieving the general development objective “Developing the Red River Delta to become the leading region in all fields, the driver for the development of other regions, and the pioneerin promotingVietnam from a basic country to a modern industrialized country by 2020” is that it is necessary to determine specific orientations and fundamental solutions to impulse the transferring of agricultural economic structure in the period of the development of market economy and international economic integration.

In this article, the author shall focus on the orientations of the development of branches and fields of agriculture and the solution to motivating the transferring of agricultural economic structure in the new period.

Keywords: Red River Delta, Developing, solutions

Tài liệu tham khảo

1. Bạch Hồng Việt, 1996, *Tác động của một số chính sách vĩ mô đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng Sông Hồng*, Hà Nội: Viện Kinh tế học.

2. Chiến lược phát triển nông thôn giai đoạn 2011- 2020

3. Đặng Văn Thắng, Phạm Ngọc Dũng , 2003, *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng thực trạng và triển vọng*, Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

4. Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSH đến năm 2020

5. Đỗ Thị Thanh Loan, *Phát triển nguồn nhân lực: điều kiện tiên quyết để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ*, Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, số 401/2013.http://www.dichvunongnghiep.com/dich-vu-nong-nghiep/18-dich-vu-cung-ung-vat-tu-may-moc-nong-nghiep.html

6. Nguyễn Đình Xuân, *Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và vai trò của các cơ quan dân cử trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam*

7. Nguyễn Thị Tươi, 2008, *Tác động của việc gia nhập WTO đến phát triển nông nghiệp Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế Hà Nội.

8. Nguyễn Tiến Thuận, 2000, *Đặc điểm và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Hà Nội: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

9. Tổng cục thống kê, 2012, *Niên giám thống kê 2011*, NXB Thống kê.

10. Trần Minh Ngọc, 2009, *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vùng Đồng bằng sông Hồng đến 2020*, Viện Kinh tế Việt Nam.

11. Viện Chủ nghĩa Xã hội Khoa học - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chính Minh, 1998, *Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng CNH, HĐH ở nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng*, Hà Nội.

12. Các website tham khảo:

http://vaas.vn/tieudiem_print.asp?newsID=NEW_123807204612.

1http://www.dichvunongnghiep.com/dich-vu-nong-nghiep/16-dich-vu-cung-ung-giong-cay-trong-vat-nuoi.html.

http://www.dichvunongnghiep.com/dich-vu-nong-nghiep/17-dich-vu-cung-ung-phan-bon-thuc-an-chan-nuoi-va-thuoc-bao-ve-thuc-vat.html.